

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DSPT

Ngày 06-8-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu  
bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào

*Các thẩm phán:* Ông Bùi Đình Thông, bà Nguyễn Thị Thương H2

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nữ Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

*Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*  
Ông Tổng Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 23/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020; do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H1 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX-PT ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Thông báo mở lại phiên tòa số 57/2021/QĐ-TA ngày 19/7/2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn H; Sinh năm: 1958; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ M1 C; sinh ngày 12/8//1984; trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị C; Sinh năm: 1965; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Soa, sinh năm 1977, Luật sư Văn phòng luật sư Lê Trần, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; địa chỉ: lô 11, KQH Đông Thọ, Nam đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An; có mặt.

**\* Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị H1; Sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn M; Sinh năm: 1964; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**\* Người làm chứng:**

1. Ông Lê Đình T; Sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Thu H; Sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

3. Ông Vi Văn K; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

4. Chị Đặng Thị T1; Sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Công Thương, xã Sơn Kim 1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

5. Bà Trần Thị B; Sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T2; Sinh năm: 1958; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Công M1; Sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

8. Bà Bùi Thị H2; Sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Quốc H; Sinh năm: 1959; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

**\* Người tham gia tố tụng khác:**

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh:

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, phó Phòng Tài nguyên môi trường; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã S, huyện H:

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê H Phong, phó Chủ tịch UBND xã; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C trình bày:* Ngày 27/6/2002 gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C được Ủy ban nhân dân xã S (hiện nay là Ủy ban nhân dân xã S), Phòng Tài nguyên và môi trường Ủy ban

nhân dân huyện H tiến hành giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa tại thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích  $20.000\text{m}^2$  tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V762960 ngày 30/12/2002; mục đích sử dụng khoanh nuôi và bảo vệ rừng, thời hạn sử dụng 50 năm. Khoảng năm 2005, diện tích  $20.000\text{m}^2$  đất lâm nghiệp tại thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích  $20.000\text{m}^2$  đã bị bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M (Là hộ có thửa đất liền kề) lấn chiếm hoàn toàn để trồng cây keo. Ủy ban nhân dân xã S đã hòa giải nhiều lần nhưng bà H, ông M không trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho gia đình ông H, bà C. Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C làm đơn khởi kiện đề nghị buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M trả lại thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích  $20.000\text{m}^2$  tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho ông H, bà C.

Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C yêu cầu bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với hành vi đã lấn chiếm thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích  $20.000\text{m}^2$  tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để trồng cây Keo từ năm 2005 đến năm 2018 là: 13 năm x 2.000.000 đồng/1 năm = 26.000.000 (Hai sáu triệu) đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này.

*Bị đơn bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M trình bày:* Ngày 27 tháng 6 năm 2002 bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M được Nhà nước giao 5,4 ha ( $54.000\text{m}^2$ ) đất lâm nghiệp tại thửa đất lô 22 và lô 23, khoảnh 6, tiểu khu 66A tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nhà nước cấp đất cho gia đình bà H, ông M đến đâu thì bà H, ông M sử dụng đến đó là tổng diện tích hiện tại bà H, ông M đang sử dụng. Cùng cấp đất với gia đình bà H, ông M gồm có ông Lưu Đình T, bà Hương K, bà H2 H, bà T1 Linh, bà B T2 nên yêu cầu Tòa án đưa những người này vào làm chứng chứng M cho lời khai của bà H, ông M là đúng. Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C không được chia đất rừng tại vùng Khe Thạch mà được chia đất rừng tại vùng Khe B vì khi đi nhận đất tại vùng Khe Thạch ông H, bà C không đi nhận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C, ông H thể hiện Khe Thạch còn sổ lâm bạ được lưu tại UBND xã S được thể hiện Khe B nên đề nghị Tòa án kiểm tra, đối chiếu lại hai loại giấy tờ trên và tại thời điểm 2002 dự án cấp đất rừng chỉ giao cho phụ nữ, mỗi người phụ nữ chỉ được cấp một thửa duy nhất, không có phụ nữ nào tại xã Sơn Kim (hiện nay là xã S) thời điểm đó được cấp hai thửa đất, vì vậy ông H, bà C được Nhà nước cấp 2 thửa đất là vô lý. Còn bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M được cấp hai thửa là đúng quy định tại thời điểm 2002 vì đó là hai thửa trong cùng một khoảnh. Bà H, ông M khẳng định ranh giới hai thửa đất lô 22 và lô 23 được Nhà nước cấp cho bà H, ông M với tổng diện tích 5,4 ha ( $5.400\text{m}^2$ ) không có ranh giới giáp với thửa đất của bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H nên không có sự việc bà H hay ông M ký vào Biên bản giao đất ngoài thực địa tại phần người sử dụng đất cận kề của thửa đất ông H, bà C và ngược lại ông H, bà C không ký vào Biên bản giao đất ngoài thực địa tại phần người sử

dụng đất cận kề của thửa đất bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M. Đồng thời, bà H, ông M khẳng định việc ký vào Biên bản giao đất ngoài thực địa tại phần người sử dụng đất cận kề giữa các hộ được giao đất có ranh giới giáp nhau tại thời điểm 2002 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đề nghị xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C. Còn tài liệu, chứng cứ để chứng M Nhà nước giao đất theo lời khai của bà H, ông M thì bà H, ông M không cung cấp được cho Tòa án vì năm 2013 do lũ lụt nên đã bị thất lạc đến nay chưa tìm thấy.

*Những người làm chứng: Ông Lưu Đình T, chị Trần Thị Thu H, chị Đặng Thị T1, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công M1, ông Nguyễn Quốc H, bà Bùi Thị H2, ông Vi Văn K, ông Nguyễn Văn T2 trình bày:*

Chị Trần Thị Thu H, chị Đặng Thị T1, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Công M1, ông Nguyễn Quốc H, bà Bùi Thị H2 đều trả lời không nhớ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H có đi nhận đất ngoài thực địa hay không, không nhớ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H là hộ liên kề giáp ranh với thửa đất của mình hay không cũng như cũng không nhớ rõ việc giữa các bên đã ký vào biên bản giao đất ngoài thực địa phần các hộ có thửa đất cận kề cho nhau hay không và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì xuất trình cho Tòa án để xem xét.

Ông Vi Văn K, ông Nguyễn Văn T2 trình bày không biết gì về việc giao nhận đất ngoài thực địa vì không đi nhận đất.

Ông Lưu Đình T trình bày: Giữa ông Lưu Đình T và gia đình bị đơn bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M có mối quan hệ anh em họ hàng ông Nguyễn Văn M cháu cô, còn ông Lê Đình T là con cậu; còn bên nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C không có mối quan hệ gì. Ông T khẳng định ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C không có đất tại vùng Khe Thạch vì lý do ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C không đi bóc thăm đất và không đi nhận đất ngoài thực địa tại vùng Khe Thạch. Ông T cho biết thửa đất của ông T có ranh giới giáp với thửa đất của các hộ bà Bùi Thị H2, bà Trần Thị H1 và bà Trần Thị Hương, chứ không giáp ranh với thửa đất của bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H nên giữa hai bên không có sự việc ký kết gì vào biên bản giao đất ngoài thực địa cho nhau tại phần các hộ có thửa đất cận kề nên ông H, bà C yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M trả lại thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là không đúng.

*Ủy ban nhân dân xã S và Ủy ban nhân dân huyện H cung cấp cho Tòa án hồ sơ liên quan đến thửa đất đang tranh chấp và trình bày: Thửa đất lô 14a (giao cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H) và thửa đất lô 22, lô 23, (giao cho bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn M) tại khoảnh 6, tiểu khu 66A, địa chỉ: Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là các thửa tách biệt nhau, không có sự chồng lấn lên nhau và khẳng định trình tự giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M đúng theo quy định tại Nghị định số: 163/1999/NĐ-CP, ngày 16/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc*

giao đất, cho thuê đất. Việc bản đồ địa chính, biên bản giao đất ngoài thực địa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H thể hiện được cấp 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch còn sổ Lâm bạ ghi vùng Khe B là do sai sót về địa danh còn thực tế bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn H được cấp 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án số 03/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 5 Điều 70, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 186, Điều 190, Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 59 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; Điều 73 Luật Lâm nghiệp năm 2017; điểm b, tiểu mục 10 của Mục I tại Thông tư số: 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC, ngày 06/6/2000 hướng dẫn giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; khoản 3 Điều 18, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

- Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C đòi bị đơn bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với hành vi đã lấn chiếm thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để trồng cây Keo từ năm 2005 đến năm 2018 là: 13 năm x 2.000.000 đồng/1 năm = 26.000.000 (Hai sáu triệu) đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C, buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M trả lại cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 762960 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 30/12/2002 mang tên bà Trần Thị C, đồng sử dụng ông Nguyễn Văn H; trú tại: Xóm 1 (Thôn T), xã Sơn Kim, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh).

(Vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh được thể hiện bằng màu xanh lá cây tại sơ đồ thẩm định của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/3/2019 kèm theo bản án).

Án còn tuyên nghĩa vụ chịu lệ phí, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 05/10/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị H1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Những người làm chứng vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của TAND huyện H.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 6 và khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Phiên tòa phúc thẩm được mở vào ngày 11/3/2021, có mặt đầy đủ các thành phần tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng Lưu Đình T, đại diện UBND huyện H và đại diện UBND xã S; sau đó phiên tòa tạm ngừng để thực hiện thủ tục giám định hồ sơ cấp đất theo yêu cầu của bị đơn. Do bị đơn bà Trần Thị H1 nhiều lần xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe và tình hình dịch bệnh Covid phải giãn cách xã hội nên phiên tòa được mở lại vào ngày 06/8/2021. Bị đơn bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 BLTTDS giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Theo lời khai của các đương sự, kết quả xác M và hồ sơ lưu trữ tại địa phương thể hiện:

Căn cứ hồ sơ cấp đất gồm: đơn xin giao đất ngoài thực địa, Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa của các hộ liên kế được cấp cùng thời điểm, Khế ước giao đất có rừng trồng bằng vốn của nhà nước thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn, Phụ lục các mẫu khế ước, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất

(theo hiện trạng sử dụng) của bà Trần Thị C và bà Trần Thị H1, Bản đồ địa chính năm 2002, Bản đồ địa chính năm 2004, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 762960 ngày 30/12/2002 tại thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mang tên Trần Thị C và đồng sử dụng Nguyễn Văn H.

Tại công văn số 157/UBND-PTNMT ngày 25/02/2019 của UBND huyện H và Công văn số 75/UBND ngày 29/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã S đều khẳng định: Thửa đất lô 14a (giao cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H) và thửa đất lô 22, lô 23 (giao cho bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn M) tại khoảnh 6, tiểu khu 66A, địa chỉ Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là các thửa tách biệt nhau, không có sự chồng lấn lên nhau và khẳng định trình tự giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M đúng theo quy định tại Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc giao đất, cho thuê đất. Về việc bản đồ địa chính, biên bản giao đất ngoài thực địa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H thể hiện được cấp 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch còn sổ Lâm bạ ghi vùng Khe B là do sai sót về địa danh còn thực tế bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn H được cấp 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài diện tích 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp được cấp tại vùng Khe Thạch, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C còn được cấp quyền sử dụng 56.000mm<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe B và 3000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe cây du, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 762960 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 30/12/2002.

Về chữ ký tại biên bản giao đất hộ liên kê đối với thửa đất được giao cho ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C, bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M có lời khai không thống nhất. Tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị H1 thừa nhận bà H ký tên vào Biên bản giao đất ngoài thực địa ngày 27/6/2002 cho hộ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H lô 14a khoảnh 6, tiểu khu 66A, địa chỉ Khe Thạch, xã Sơn Kim. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/3/2021, ông Nguyễn Văn M trình bày ông M là người đi nhận đất trên thực địa nhưng không ký hồ sơ, vợ ông là bà Trần Thị H1 ký hay không ông không biết. Bị đơn Nguyễn Văn M và Trần Thị H1 yêu cầu giám định chữ viết “Trần Thị H1” tại Biên bản giao đất ngoài thực địa ngày 27/6/2002 cho hộ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành thu thập bản gốc hồ sơ giao đất rừng của hộ ông Nguyễn Văn H và Trần Thị C lưu giữ tại Phòng tài nguyên môi trường huyện H để trưng cầu giám định (bản photo đóng dấu đỏ của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, không lưu giữ bản gốc viết bằng mực tươi). Tại Công văn số 21/PC09 ngày 23/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh đã từ chối giám định vì tài liệu photocopy. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai ban đầu và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm bà H đã thừa nhận chữ viết của mình tại phần hộ liên kê trong Biên bản giao đất ngoài thực địa cho hộ ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H xác nhận chữ ký của

mình khi ký giáp ranh giao đất cho bà H, bà H không có ý kiến gì về chữ ký của ông H trong hồ sơ giao đất của gia đình mình, UBND xã Sơn Kim và UBND huyện H trình bày hồ sơ cấp đất cho hai hộ gia đình là đúng quy định pháp luật. Các bên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2002, đến nay không có khiếu nại về việc cấp giấy. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị H1 về chữ ký “Trần Thị H1”.

Bị đơn bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn M ngoài lời trình bày về việc nhà nước giao đất đến đâu sử dụng đến đó không xuất trình được cho Tòa án hồ sơ cấp đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất tranh chấp là lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, địa chỉ Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Thị H1 và Nguyễn Văn M chỉ xuất trình cho Hội đồng xét xử Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với thửa số 22, 23 diện tích 54.000m<sup>2</sup> tại vùng Khe Thạch do UBND huyện H cấp ngày 30/12/2002 mang tên Trần Thị H1 và Nguyễn Văn M. Mặt khác, các bên đương sự đã xác định ranh giới khi được giao đất, cụ thể: tại Biên bản giao đất ngoài thực địa ngày 27/6/2002 cho hộ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H lô 14a khoảnh 6, tiểu khu 66A, địa chỉ Khe Thạch, xã Sơn Kim, bà Trần Thị H1 đã ký xác nhận vào phần hộ liền kề; tại Biên bản giao đất ngoài thực địa ngày 27/6/2002 cho hộ bà Trần Thị H1 lô 22, 23 khoảnh 6, tiểu khu 66A, địa chỉ Khe Thạch, xã Sơn Kim, tại mục người sử dụng đất liền kề, ông Nguyễn Văn H đã ký xác nhận. Các lời khai người làm chứng là các hộ đi nhận đất cùng thời điểm và hộ giáp ranh đã được cấp sơ thẩm làm rõ.

Do đó có căn cứ khẳng định bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn H có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất lô 14a tại khoảnh 6, tiểu khu 66A, địa chỉ Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 762960 ngày 30/12/2002, tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> mang tên Trần Thị C và đồng sử dụng Nguyễn Văn H.

## [2.2] Về hiện trạng và quá trình sử dụng thửa đất tranh chấp:

Kết quả thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm phản ánh:

Kết quả đo đạc do bị đơn bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn M chỉ mốc ranh giới thửa đất khẳng định đó là thửa đất do Nhà nước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M: tổng diện tích 8,13 ha (được đánh dấu màu vàng trong sơ đồ thẩm định), trong đó bị đơn bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M đã trồng keo trên thửa đất lô 14a là 1,72 ha.

Kết quả đo đạc do nguyên đơn ông Nguyễn Văn H chỉ mốc ranh giới thửa đất mà ông H khẳng định đó là thửa đất lô 14a, tại tiểu khu 66A, khoảnh 6, ở Khe Thạch, thôn T, xã Sơn Kim, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H, tổng diện tích 2,43 ha (được đánh dấu màu đỏ trong sơ đồ thẩm định).

Các đương sự chưa xác định đúng ranh giới phần đất mình được cơ quan có thẩm quyền giao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ hồ sơ cấp



đất, bản đồ địa chính, kết quả kiểm tra thực địa có căn cứ khẳng định: Thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh được cấp cho ông H, bà C có vị trí ranh giới thửa đất cụ thể: Đoạn 1 giáp thửa đất của bà Hương, bà Lài xuất phát tại ngã ba Khe Thạch gặp sông Tre, đi theo Khe Thạch theo hướng Đông Nam 134<sup>0</sup> đến gặp mốc bà C, bà Lài, bà H đổi hướng Tây đi theo đường mòn đến gặp Sông Tre. Đổi hướng Bắc đi theo Sông Tre kết thúc tại ngã ba Khe Thạch gặp Sông Tre đoạn này dài 735m.

[2.3] Về cây cối trên đất tranh chấp: bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H1 trồng keo trên diện tích đất tranh chấp, hiện bị đơn đã khai thác hết. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân huyện H đã có thông báo các đương sự cấm thay đổi hiện trạng đất tranh chấp sau khi bị đơn đã khai thác hết cây. Ngày 21/11/2019, UBND xã Sơn Kim đã lập Biên bản yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp, thực hiện đúng thông báo của Tòa án, sau khi có đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H về việc hộ ông Nguyễn Văn M trồng cây mới. Các đương sự không có ý kiến về tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền bồi thường giá trị sử dụng đất: nguyên đơn yêu cầu bồi thường giá trị sử dụng đất do bị đơn đã trồng keo từ năm 2005 đến 2018 là 26.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này là đúng quy định.

[2.5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 5.000.000đ nên buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, cấp phúc thẩm nhận thấy bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H1.

Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên Bản án số 03/2020/DSST ngày 28-9-2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm c khoản 1 Điều

217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 59 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; Điều 73 Luật Lâm nghiệp năm 2017; Điểm b, tiểu mục 10 của Mục I tại Thông tư số: 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC, ngày 06/6/2000 hướng dẫn giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C đòi bị đơn bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với hành vi đã lấn chiếm thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để trồng cây Keo từ năm 2005 đến năm 2018 là: 13 năm x 2.000.000 đồng/1 năm = 26.000.000 (Hai sáu triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C, buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M trả lại cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn H thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 762960 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 30/12/2002 mang tên bà Trần Thị C, đồng sử dụng ông Nguyễn Văn H; trú tại: Xóm 1 (Thôn T), xã Sơn Kim, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh).

(Vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất lô 14a, khoảnh 6, tiểu khu 66A, với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại vùng Khe Thạch, xã Sơn Kim (hiện nay là xã S), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh được thể hiện bằng màu xanh lá cây tại sơ đồ thẩm định của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/3/2019 kèm theo bản án).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M phải chịu chi phí thẩm định, định giá số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C số tiền: 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C 2.000.000 (Hai triệu) đồng số tiền tạm ứng án phí

dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền số: 005021 ngày 18/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004831 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, THA sơ thẩm;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Đào**